

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
**Hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành
thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
sử dụng ngân sách nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ, bao gồm:

a) Tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thể hiện dưới dạng tài sản hữu hình và tài sản vô hình;

c) Tài sản là vật tư thu được trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Việc quản lý, sử dụng, xử lý đối với tài sản được trang bị cho Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Văn phòng chương trình và các tổ chức khoa học và công nghệ để phục vụ công tác quản lý; tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Thông tư này và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Các tổ chức, cá nhân là đối tượng thụ hưởng kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Chỉ thực hiện trang bị tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Việc trang bị tài sản phải phù hợp với nhiệm vụ được giao, dự toán được phê duyệt, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tài sản phải được sử dụng đúng mục đích, được hạch toán, báo cáo, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định của pháp luật.

4. Tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng kết quả đó phải được xác định cụ thể trong thuyết minh các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được xử lý kịp thời theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hết thời hạn

thực hiện theo Hợp đồng hoặc có quyết định chấm dứt thực hiện hoặc chưa hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng nhưng không còn nhu cầu sử dụng.

6. Việc quản lý, xử lý tài sản được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC TRANG BỊ ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1

TRANG BỊ TÀI SẢN ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Điều chuyển tài sản

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm sắp xếp, bố trí trong số tài sản hiện có của tổ chức để thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp không sắp xếp, bố trí được, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định tại Điều 10, 21 và 29 Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định tại các Điều 11, 12, 23 và 29 Thông tư này.

Điều 5. Thuê tài sản

1. Việc thuê tài sản được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không sắp xếp, bố trí được trong số tài sản hiện có của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Không áp dụng được hình thức điều chuyển tài sản hoặc có điều chuyển nhưng chỉ đáp ứng được một phần;

c) Có nhu cầu sử dụng tài sản trong thời gian ngắn (dưới 50% thời gian sử dụng theo chế độ quy định đối với từng tài sản nhưng không quá 3 năm) hoặc nhu cầu sử dụng không thường xuyên;

d) Hiệu quả của việc thuê tài sản cao hơn việc mua sắm tài sản.

2. Căn cứ vào điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập danh mục tài sản thuê và đưa vào

dự toán của nhiệm vụ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ phê duyệt.

3. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc thuê tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và pháp luật có liên quan sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Mua sắm tài sản

1. Việc mua sắm tài sản được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không sắp xếp, bố trí được trong số tài sản hiện có của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Không áp dụng được hình thức điều chuyển tài sản hoặc có điều chuyển nhưng chỉ đáp ứng được một phần;

c) Không áp dụng được hình thức thuê tài sản.

2. Căn cứ vào điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập danh mục tài sản mua sắm và đưa vào dự toán của nhiệm vụ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ phê duyệt.

3. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tổ chức việc mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước.

Mục 2

SỬ DỤNG, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO TÀI SẢN ĐƯỢC TRANG BỊ ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản

1. Tài sản phải được sử dụng đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

2. Tài sản phải được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định. Thủ trưởng tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản được bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 8. Hạch toán, báo cáo tài sản

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm mở sổ theo dõi riêng tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chế độ kế toán hiện hành. Tài sản mua sắm, nhận

điều chuyển được tính hao mòn theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Hàng năm, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm kiểm kê, lập Báo cáo danh mục tài sản theo Mẫu số 01/TSKH-CN ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo danh mục tài sản được gửi kèm báo cáo theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để cơ quan quản lý tài chính của nhiệm vụ tổng hợp, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản.

Mục 3

XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC TRANG BỊ ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Hình thức xử lý tài sản

1. Điều chuyển tài sản:

a) Điều chuyển sang cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) có nhu cầu sử dụng tài sản phù hợp với quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

b) Điều chuyển để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

2. Thanh lý đối với các tài sản đã vượt quá thời gian sử dụng theo chế độ quy định mà không thể tiếp tục sử dụng được, tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng được.

3. Bán đối với các tài sản không xử lý theo hình thức điều chuyển hoặc thanh lý quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này như sau:

a) Ưu tiên bán trực tiếp cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu mua tài sản thì thực hiện bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

4. Nhà nước chuyên giao không bồi hoàn tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết được quy định tại Điều 32 Luật khoa học và công nghệ và Điều 38 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ. Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết, thực hiện xử lý tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Đối với tài sản thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, việc xử lý thực hiện theo nội dung Hợp đồng thuê tài sản đã ký kết với bên cho thuê.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản

1. Trường hợp điều chuyển tài sản cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp cơ sở thuộc bộ (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ do trung ương quản lý), trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương có tài sản quyết định (và báo cáo về Bộ Tài chính) điều chuyển tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan trung ương khác và các địa phương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp quyết định điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý; quyết định bán, thanh lý tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ do địa phương quản lý), trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (và báo cáo về Bộ Tài chính) điều chuyển tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trung ương quản lý hoặc giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý; quyết định bán, thanh lý tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Trình tự xử lý tài sản

1. Khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng hoặc có quyết định chấm dứt thực hiện, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bảo quản tài sản và hồ sơ của tài sản cho đến khi hoàn thành việc xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết

định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải hoàn thành các công việc sau đây:

a) Thực hiện kiểm kê tài sản. Việc kiểm kê tài sản phải lập thành Biên bản theo Mẫu số 02/TSKHCN ban hành kèm Thông tư này; trường hợp phát hiện thừa, thiếu tài sản phải ghi rõ trong Biên bản kiểm kê tài sản, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất biện pháp xử lý theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 03/TSKHCN ban hành kèm theo Thông tư này, gửi đơn vị được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trực tiếp quản lý kinh phí để tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu nhận điều chuyển tài sản hoặc mua trực tiếp tài sản thì phải đề xuất cụ thể trong phương án xử lý.

3. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, lập phương án xử lý tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Thông tư này quyết định xử lý.

4. Sau khi có quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền, việc tổ chức xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13 và 14 Thông tư này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản có quyết định điều chuyển

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận tài sản thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định tại Thông tư số 43/TC-QLCS ngày 31/7/1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc tiếp nhận và bàn giao tài sản giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và Thông tư số 122/2007/TT-BTC ngày 18/10/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 43/TC-QLCS.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tổ chức thực hiện bán tài sản

1. Đối với tài sản có quyết định bán trực tiếp:

a) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng định giá để xác định giá bán hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định giá bán tài sản. Giá bán tài sản

phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ;

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm ký Hợp đồng bán tài sản theo Mẫu số 04/TSKHCN ban hành kèm theo Thông tư này; đăng ký mua hóa đơn bán tài sản nhà nước tại Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, nơi đơn vị đóng trụ sở để xuất cho người mua theo quy định tại Thông tư số 225/2009/TT-BTC ngày 26/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn bán tài sản nhà nước và hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước;

c) Tiền bán tài sản phải được nộp một lần trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng bán tài sản. Trường hợp tài sản có giá bán từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản và đơn vị mua có đề nghị thì cấp có thẩm quyền quyết định bán tài sản xem xét, quyết định cho người mua được nộp nhiều lần; mức nộp hàng năm tối thiểu bằng tiền bán tài sản chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản đó theo chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với tài sản có quyết định bán đấu giá:

a) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ký hợp đồng thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức bán đấu giá. Trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức bán đấu giá thì Thủ trưởng tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá do Lãnh đạo cơ quan quyết định thành lập Hội đồng làm Chủ tịch; các thành viên khác bao gồm đại diện đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật (nếu cần) và các thành viên khác có liên quan;

b) Việc xác định giá khởi điểm, trình tự, thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật về bán đấu giá tài sản;

c) Việc xuất hóa đơn bán tài sản nhà nước cho người mua thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện thanh lý tài sản

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức thanh lý tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Phương thức, trình tự, thủ tục thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày

03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC.

Điều 15. Xử lý tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng nhưng có tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải kiểm kê, đề xuất phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Thông tư này xem xét, quyết định.

2. Hình thức, trình tự, thủ tục xử lý tài sản được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và tại các Điều 9, 11, 12, 13 và 14 Thông tư này.

Chương III

QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN LÀ KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 16. Quản lý quá trình hình thành tài sản

Việc hình thành tài sản và quản lý quá trình hình thành tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 17. Xử lý đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thống nhất giữa các đồng chủ sở hữu và phải được xác định cụ thể trong thuyết minh các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nhà nước chỉ thực hiện quyền trong phần quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản.

Điều 18. Bàn giao tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho đại diện chủ sở hữu nhà nước

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ mức “Đạt” trở lên, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm kiểm kê kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, báo cáo đại diện chủ sở hữu để thực hiện bàn giao.

2. Đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với tài sản là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật khoa học và công nghệ có trách nhiệm giao cho cơ quan chuyên môn thuộc phạm vi quản lý để tiếp nhận từ tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Việc bàn giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được lập thành Biên bản theo Mẫu số 05/TSKHCN ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết được Nhà nước hỗ trợ không thu hồi vốn đầu tư theo quy định tại Điều 32 Luật khoa học và công nghệ và Điều 38 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ thuộc về tổ chức, cá nhân được hỗ trợ.

Điều 19. Xử lý tài sản

1. Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước dưới dạng tài sản vô hình cho đối tượng thụ hưởng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này, việc xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản nhà nước và quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 và 25 Thông tư này.

Điều 20. Hình thức xử lý tài sản

1. Ưu tiên giao cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong trường hợp tổ chức chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Ưu tiên bán trực tiếp hoặc giao cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế giao vốn nhà nước cho doanh nghiệp trong trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là doanh nghiệp có vốn nhà nước.

3. Ưu tiên bán trực tiếp cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là tổ chức kinh tế không có vốn nhà nước.

4. Trong trường hợp không xử lý được theo các hình thức quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì tài sản được điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị công lập hoặc bán đấu giá cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Điều 21. Trình tự xử lý và thẩm quyền quyết định xử lý tài sản

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bảo quản tài sản cho đến khi bàn giao cho đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; trường hợp đại diện chủ sở hữu yêu cầu tiếp tục bảo quản thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bảo quản cho đến khi hoàn thành việc xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm đề xuất phương án xử lý cùng với việc kiểm kê để bàn giao kết quả cho đại diện chủ sở hữu, gửi đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định.

3. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định giao tài sản, bán trực tiếp, bán đấu giá tài sản của các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

4. Sau khi có quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền, đại diện chủ sở hữu nhà nước ủy quyền cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc xử lý tài sản theo quy định tại các Điều 22, 23, 24 và 25 Thông tư này.

Điều 22. Tổ chức thực hiện việc giao tài sản

1. Căn cứ quyết định giao tài sản của cấp có thẩm quyền, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ bàn giao tài sản cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

2. Việc bàn giao tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 06/TSKHCN ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức được tiếp nhận tài sản có trách nhiệm theo dõi, hạch toán tăng tài sản và nguồn hình thành tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp tài sản được tiếp nhận là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ sử dụng một phần ngân sách nhà nước thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải chỉ trả phần giá trị còn lại của tài sản không phải do ngân sách nhà nước đầu tư cho các chủ sở hữu khác.

Điều 23. Tổ chức thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản có quyết định điều chuyển

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công

nghe phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận tài sản thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định tại Thông tư số 43/TC-QLCS ngày 31/7/1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc tiếp nhận và bàn giao tài sản giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Thông tư số 122/2007/TT-BTC ngày 18/10/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 43/TC-QLCS.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm hạch toán ghi tăng tài sản và nguồn hình thành tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tài sản được tiếp nhận là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ sử dụng một phần ngân sách nhà nước, thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm chi trả phần giá trị còn lại của tài sản không phải do ngân sách nhà nước đầu tư cho các chủ sở hữu khác.

Điều 24. Tổ chức thực hiện bán tài sản

Đối với tài sản có quyết định bán, việc tổ chức bán trực tiếp, bán đấu giá thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Điều 25. Xác định giá trị tài sản

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính và các cơ quan chuyên môn có liên quan xác định giá trị tài sản hoặc thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật để xác định giá trị tài sản.

2. Giá trị tài sản được xác định theo giá thị trường của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật và công năng sử dụng tương đương. Đối với tài sản chuyên dùng đơn chiếc, giá trị tài sản được xác định theo chi phí thực tế hợp lý để hình thành tài sản.

3. Giá trị tài sản được xác định theo quy định tại Điều này được sử dụng làm căn cứ để hạch toán ghi tăng giá trị tài sản, nguồn hình thành tài sản, ghi tăng vốn nhà nước; làm giá khởi điểm để bán đấu giá; làm giá bán trong trường hợp bán trực tiếp.

4. Giá trị tài sản trí tuệ được xác định theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương IV

QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN LÀ VẬT TƯ THU ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 26. Tài sản là vật tư thu được trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

Tài sản là vật tư thu được trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi xử lý bao gồm:

1. Vật tư, hóa chất, nguyên, nhiên vật liệu không sử dụng, sử dụng không hết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trừ vật tư, hóa chất, nguyên, nhiên vật liệu được khoán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Sản phẩm dở dang, sản phẩm mẫu của thí nghiệm, thử nghiệm, điều tra, thu thập, đánh giá trong quá trình nghiên cứu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa ra được sản phẩm cuối cùng theo thuyết minh được duyệt.

3. Linh kiện, vật tư thu được từ việc tháo dỡ các công trình, máy móc, thiết bị không còn sử dụng được.

Điều 27. Xử lý đối với tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ sử dụng một phần ngân sách nhà nước phương án xử lý vật tư thu được được thống nhất giữa các đồng chủ sở hữu và phải được xác định cụ thể trong thuyết minh các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nhà nước chỉ thực hiện quyền trong phần quyền sở hữu của Nhà nước đối với số vật tư thu được.

Điều 28. Bảo quản tài sản là vật tư thu được trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bảo quản tài sản là vật tư thu được cho đến khi hoàn thành việc xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 29. Hình thức xử lý, thẩm quyền quyết định, trình tự xử lý vật tư thu được trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước

Hình thức xử lý, thẩm quyền quyết định, trình tự xử lý vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 26 Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và 14 Thông tư này.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC HÌNH THÀNH THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 30. Nội dung chi

1. Chi phí kiểm kê, phân loại tài sản.

2. Chi phí bảo quản tài sản: Chi phí thuê kho, bãi để bảo quản tài sản, chi cho công tác bảo vệ, duy trì hoạt động của tài sản.

3. Chi phí tháo dỡ, thu hồi vật tư của các công trình, máy móc, thiết bị.

4. Chi phí bán, thanh lý tài sản.

5. Chi phí xác định giá trị tài sản, chi phí thuê thẩm định giá (nếu có).

6. Chi phí phát sinh trong quá trình bàn giao, tiếp nhận tài sản, bao gồm cả chi phí vận chuyển tài sản.

7. Chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc xử lý tài sản.

Điều 31. Mức chi

Mức chi cho từng nội dung chi quy định tại Điều 30 Thông tư này thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì người đứng đầu của cơ quan có trách nhiệm xử lý tài sản quyết định mức chi, đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 32. Nguồn kinh phí

1. Đối với tài sản có quyết định bán, thanh lý: Nguồn kinh phí để chi cho các nội dung quy định tại Điều 30 Thông tư này được sử dụng từ số tiền thu được do bán hoặc thanh lý tài sản. Trường hợp việc xử lý tài sản không phát sinh nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí thì phần chi phí còn thiếu được quyết toán và chi trả từ nguồn kinh phí quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc từ nguồn kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối với tài sản có quyết định giao, điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao, được tiếp nhận tài sản có trách nhiệm chi trả các chi phí có liên quan quy định tại Điều 30 Thông tư này.

Điều 33. Quản lý, sử dụng số tiền thu được khi bán, thanh lý tài sản

Số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan quy định tại Điều 30 của Thông tư này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quản lý, sử dụng như sau:

1. Trường hợp tài sản được hình thành bằng nguồn ngân sách nhà nước, thì được nộp ngân sách trung ương (đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do trung ương quản lý); nộp ngân sách địa phương (đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do địa phương quản lý).

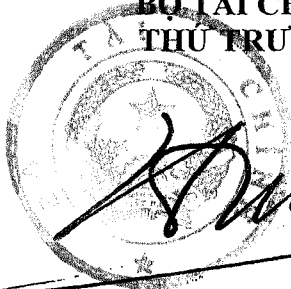
2. Trường hợp tài sản được hình thành từ nhiều nguồn, trong đó có một phần từ nguồn ngân sách nhà nước, thì số tiền tương ứng với tỷ lệ phần ngân sách nhà nước đầu tư được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều này; số tiền còn lại được trả cho các chủ sở hữu khác.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Đối với tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa có quyết định xử lý thì thực hiện xử lý theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp tài sản đã có quyết định xử lý nhưng chưa xử lý xong thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo quy định tại thời điểm quyết định xử lý hoặc thực hiện theo Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Chí

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THỦ TRƯỞNG



Trần Quốc Khánh

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&CN, Bộ Tài chính;
- Công TTĐT: Chính phủ, Bộ KH&CN, Bộ Tài chính;
- Lưu: Bộ KH&CN (VT, Vụ TC); Bộ TC (VT, QLCS).

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày
01 tháng 9 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính)*

1. **Mẫu số 01/TSKHCN:** Báo cáo danh mục tài sản được trang bị để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
2. **Mẫu số 02/TSKHCN:** Biên bản kiểm kê tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. **Mẫu số 03/TSKHCN:** Danh mục tài sản đề nghị xử lý.
4. **Mẫu số 04/TSKHCN:** Hợp đồng mua bán tài sản.
5. **Mẫu số 05/TSKHCN:** Biên bản bàn giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.
6. **Mẫu số 06/TSKHCN:** Biên bản bàn giao tài sản.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.....

Tên nhiệm vụ.....

Mẫu số 01/TSKHCN
16/2015/TTLT-BKHCN-BTC

**BÁO CÁO DANH MỤC TÀI SẢN ĐƯỢC TRANG BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Kỳ báo cáo:

STT	Danh mục tài sản (Liệt kê chi tiết từng tài sản)	Số hiệu tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Số năm sử dụng tính hao mòn	Nguyên giá			Ghi chú
					Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	
1								
2								
3								
							
							
	Tổng cộng:							

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(ký, họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên nhiệm vụ:
2. Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
3. Cơ quan chủ quản:
4. Ngày..... tháng năm.....
5. Thành phần gồm:
 - Ông (bà): Chức vụ:
 - Ông (bà): Chức vụ:
6. Kết quả kiểm kê:

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng tài sản			Ghi chú
			Theo sổ kế toán	Thực tế kiểm kê	Chênh lệch	
I	Tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ KHCN					
1					
II	Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN					
1					
III	Tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN					
1					

Xác nhận của người tham gia kiểm kê:

Ông, bà
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ông, bà
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ông, bà
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.....
 Tên nhiệm vụ.....

Mẫu số 03/TSKHCN
 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC

DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

DVT cho: Số lượng: cái; Giá trị: nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Số hiệu tài sản	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Hình thức xử lý
							Tổng cộng	Trong đó			
								Nguồn NS	Nguồn khác		
I	Tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ										
1										
II	Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN										
1										
III	Tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN										
1										
	Tổng cộng:										

Ghi chú :.....

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

Chủ trì nhiệm vụ
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 01/9/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ⁽¹⁾;

Hôm nay, ngày.....tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A – Bên bán tài sản (Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản):

- Ông, bà:....., chức vụ.....

- Ông, bà:....., chức vụ.....

B- Bên mua tài sản:

- Ông, bà/tổ chức:.....

- Địa chỉ:

- Số CMND/Giấy CNĐKKD:, ngày cấp:, nơi cấp:.....

1. Hai bên đồng ý việc mua, bán các tài sản sau:

TT	Tên tài sản	Chủng loại	Số lượng/ Khối lượng	Hiện trạng tài sản	Đơn giá bán	Thành tiền
	Tổng cộng					

2. Giá bán và phương thức thanh toán:

- Giá bán tài sản nêu tại khoản 1 là: (bằng chữ:)

- Phương thức thanh toán:

- Thời hạn thanh toán:

3. Thời hạn, địa điểm và phương thức giao nhận tài sản:

4. Thuế và lệ phí liên quan đến việc mua bán tài sản theo Biên bản này (nếu có) do Bên chịu trách nhiệm nộp.

5. Quyền và nghĩa vụ của các bên:.....

(1) Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc bán tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên bán giữ 02 bản, bên mua giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN BÀN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm...., chúng tôi gồm:

A- Đại diện bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

B- Đại diện bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Thực hiện bàn giao và tiếp nhận tài sản là kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ như sau:

1. Danh mục tài sản là kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bàn giao:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Nhập khi kiểm kê	Giá trị tài sản (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	A. Tài sản hữu hình					
	Gồm:					
	B. Tài sản vô hình					
	Gồm:					
	C. Tài sản khác					
	Gồm:					

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao:

3. Ý kiến các bên giao nhận:

a. Bên nhận:.....

b. Bên giao:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định (công văn) số ngày..... của..... về việc.....

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm....., chúng tôi gồm:

A- Đại diện Bên giao:

1. Ông (Bà) Chức vụ:.....
2. Ông (Bà) Chức vụ:.....

B- Đại diện bên nhận:

1. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....
2. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

C- Đại diện cơ quan chứng kiến bàn giao:

1. Ông (bà)..... Chức vụ:.....
2. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

Thực hiện bàn giao và tiếp nhận tài sản bao gồm:

Bàn giao tài sản là phương tiện, máy móc, trang thiết bị (theo quyết định bàn giao của cấp có thẩm quyền)

1. Tài sản thực hiện bàn giao:

STT	Danh mục tài sản bàn giao	Số lượng (cái)	Giá trị tài sản bàn giao (ngàn đồng)				Hiện trạng tài sản bàn giao	
			Theo sổ sách kế toán		Theo thực tế đánh giá lại			
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá theo giá hiện hành	Giá trị còn lại theo giá hiện hành	Tỷ lệ còn lại %	Ghi chú (mô tả tài sản bàn giao)
1							
2							

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao:

3. Ý kiến các bên giao nhận:

a. Bên nhận:

.....

b. Bên giao:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký tên và đóng dấu)

Đại diện các cơ quan chứng kiến

Đơn vị A
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đơn vị B
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đơn vị C
(Ký và ghi rõ họ tên)